TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 571/2022/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2022 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Bà Trần Thị Thu Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 849/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã B, thị xã N, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã B, thị xã N, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 19 tháng 03 năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thị xã N). Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không còn tôn trọng và quan tâm đến nhau, chị T và anh G không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Do đó, chị Thuỷ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn G.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Trần P, sinh ngày 18/10/2007, Trần M, sinh ngày 01/4/2010 và Trần V, sinh ngày 10/8/2016, hiện nay cả 03 cháu đang ở với chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Văn G, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G theo quy định của pháp luật nhưng anh G luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 39 Bộ luật dân sự; các Điều 51,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn G.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Trần P, sinh ngày 18/10/2007, Trần M, sinh ngày 01/4/2010 và Trần Việt V, sinh ngày 10/8/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã N giải quyết việc hôn nhân và gia đình của chị; Bị đơn anh Trần Văn G cư trú tại Thôn G, xã B, thị xã N, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G nhưng anh G vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã N tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn G tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã N), tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012 quyển số 01 ngày 19 tháng 03 năm 2012. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, anh G không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm và tin tưởng chị nên tình cảm ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị và anh G không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống.

Biên bản xác minh ngày 24 / 6 /2022 tại Phòng lao động –Thương binh và xã hội thị xã N thể hiện: tình trạng hôn nhân vợ chồng chị T và anh G phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì cơ quan không rõ. Về nuôi con chung của vợ chồng chị Thuỷ và anh G đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị T và anh G trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm vợ chồng không còn tin tưởng, quan tâm và chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm ngày rạn nứt không thể hàn gắn được, cha mẹ hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng chị vẫn không thể đoàn tụ được. Nay chị T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G luôn vắng mặt, từ diễn biến trên chứng tỏ anh G đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh G là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Chị T và anh G 03 con chung tên Trần P, sinh ngày 18/10/2007, Trần M, sinh ngày 01/4/2010 và Trần V, sinh ngày 10/8/2016. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T có việc làm, thu nhập ổn định, các cháu còn

nhỏ và hiện nay đang ở ổn định với chị T, đồng thời cháu T và cháu V đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên cần giao 03 cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần P, sinh ngày 18/10/2007, Trần M, sinh ngày 01/4/2010 và Trần V, sinh ngày 10/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002154 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã N;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Bích